

PHẠM VI CÔNG VIỆC

Gói thầu TB2026-021: Tư vấn lập báo cáo kiểm kê khí nhà kính, báo cáo xây dựng kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, tư vấn khảo sát, đánh giá, đưa phương án xử lý bùn thải của hệ thống xử lý nước thải công nghiệp và điều chỉnh giấy phép môi trường - Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2

I. Tư vấn lập báo cáo kiểm kê khí nhà kính, báo cáo xây dựng kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính

Thực hiện tư vấn kiểm kê khí nhà kính (KNK), xây dựng kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính giai đoạn 2026 – 2030, lập báo cáo giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp cơ sở hàng năm và thẩm định báo cáo kiểm kê khí nhà kính cấp cơ sở cho Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 bao gồm các nội dung sau:

1. Phạm vi công việc kiểm kê KNK

- Xác định ranh giới, phạm vi thực hiện kiểm kê KNK.
- Khảo sát, thu thập, lấy mẫu đo đạc, phân tích và chuẩn hóa số liệu hoạt động phục vụ kiểm kê KNK.
- Lựa chọn phương pháp, hệ số và tính toán kiểm kê KNK.
- Kiểm soát chất lượng kiểm kê KNK.
- Đánh giá độ không chắc chắn của kiểm kê KNK.
- Lập báo cáo kiểm kê khí nhà kính theo mẫu số 06 Phụ lục II Nghị định số 06/2022/NĐ-CP, kỳ báo cáo năm 2025 – 2026 hoặc văn bản pháp luật mới nhất tại thời điểm lập báo cáo.
- Chuẩn bị hồ sơ phục vụ thẩm định: báo cáo, tệp tính, bằng chứng số liệu, phương pháp, QA/QC, độ không chắc chắn; phối hợp khảo sát hiện trường, phỏng vấn và kiểm tra mẫu khi đơn vị thẩm định yêu cầu.
- Giải trình với các cơ quan/đơn vị có thẩm quyền trong quá trình thẩm định hồ sơ và chỉnh sửa hồ sơ theo yêu cầu của cơ quan/đơn vị thẩm định.

2. Xây dựng kế hoạch giảm nhẹ phát thải KNK giai đoạn 2026 - 2030

TT	Nhóm công việc	Nội dung thực hiện
1	Rà soát pháp lý, hồ sơ và xác định phạm vi kế hoạch	• Rà soát tình trạng thuộc danh mục kiểm kê, phân bổ hạn ngạch, kế hoạch giảm nhẹ cấp lĩnh vực và yêu cầu áp dụng. • Rà soát kiểm kê gần nhất, hồ sơ kỹ thuật, kế hoạch sản xuất/đầu tư 2026 - 2030 và các biện pháp đã/dự kiến triển khai.

TT	Nhóm công việc	Nội dung thực hiện
2	Xây dựng mức phát thải dự kiến giai đoạn 2026 - 2030	- Xác định ranh giới, nguồn phát thải, loại KNK và các yếu tố hoạt động trong kỳ kế hoạch. - Xác định mức giảm phát thải từ phát thải thực của nhà máy tính toán với hạn ngạch phát thải được phân bổ để xác định nhu cầu giảm phát thải. - Xây dựng mức phát thải dự kiến từng năm 2026 - 2030 theo kịch bản phát triển thông thường; nêu phương pháp, giả định, hệ số và dữ liệu.
3	Xác định tiềm năng, mục tiêu và biện pháp giảm nhẹ	- Sàng lọc giải pháp về hiệu quả năng lượng, nhiên liệu, năng lượng tái tạo, công nghệ/quy trình, môi chất lạnh, chất thải và các giải pháp phù hợp. - Định lượng tiềm năng; đề xuất mục tiêu theo năm và toàn kỳ, phù hợp kế hoạch cấp lĩnh vực và hạn ngạch (nếu có).
4	Đánh giá khả thi và xây dựng lộ trình thực hiện	- Đánh giá sơ bộ kỹ thuật, chi phí - tiết kiệm, lợi ích, rủi ro và điều kiện triển khai. - Xếp hạng ưu tiên; xây dựng tiến độ, phân công trách nhiệm, nguồn lực và phương án giai đoạn 2026 - 2030.
5	Xây dựng Phương án giám sát và quản lý dữ liệu	- Xác định thông số, công thức, phương pháp đo/tính, tần suất, thiết bị, nguồn dữ liệu và trách nhiệm theo dõi. - Thiết lập luồng dữ liệu, biểu mẫu, quy trình QA/QC, xử lý dữ liệu thiếu/bất thường và lưu trữ bằng chứng.
6	Lập, hoàn thiện và hỗ trợ phê duyệt Kế hoạch	- Lập Kế hoạch theo Mẫu số 02 Phụ lục IV, gồm hiện trạng, mức phát thải dự kiến, mục tiêu, biện pháp, tổ chức thực hiện và giám sát hoặc văn bản pháp luật mới nhất tại thời điểm lập báo cáo. - Lấy ý kiến, hoàn thiện hồ sơ trình phê duyệt; hỗ trợ gửi Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ quản lý lĩnh vực, UBND tỉnh và hướng dẫn cập nhật.

3. Lập báo cáo giảm nhẹ phát thải KNK cấp cơ sở hàng năm: 2026, 2027



TT	Nhóm công việc	Nội dung thực hiện
1	Rà soát hồ sơ và xác định phạm vi báo cáo	- Rà soát Báo cáo kiểm kê KNK gần nhất, Kế hoạch giảm nhẹ 2026-2030, phương án giám sát, quyết định phân bổ hạn ngạch và hồ sơ các biện pháp đã/đang triển khai. - Xác định ranh giới tổ chức, ranh giới hoạt động, nguồn phát thải, loại KNK và các biện pháp giảm nhẹ thuộc kỳ báo cáo.
2	Thu thập, kiểm tra và chuẩn hóa số liệu	- Thu thập số liệu vận hành theo từng biện pháp: sản lượng điện, nhiên liệu, suất hao nhiệt/hiệu suất, điện tự dùng, thông số thiết bị và các dữ liệu kỹ thuật, kinh tế có liên quan. - Kiểm tra tính đầy đủ, nhất quán, liên tục và khả năng truy xuất; đối chiếu với số liệu kiểm kê KNK, hồ sơ đo đếm, biên bản nghiệm thu/vận hành và tài liệu minh chứng.
3	Rà soát mức phát thải dự kiến và phương án giám sát	- Xác định/rà soát mức phát thải dự kiến khi không thực hiện từng biện pháp (PTCS) theo Kế hoạch giảm nhẹ hoặc kịch bản phát triển thông thường đã được xác lập. - Rà soát công thức, hệ số, thông số giám sát, tần suất thu thập, thiết bị đo, đơn vị chịu trách nhiệm và luồng dữ liệu; nhận diện các điểm cần cập nhật hoặc giải trình.
4	Tính toán kết quả giảm nhẹ phát thải KNK	- Tính mức phát thải thực tế sau khi thực hiện từng biện pháp (PT) và lượng giảm phát thải theo nguyên tắc $GPT = PTCS - PT$; tổng hợp theo biện pháp và theo năm, đơn vị tCO₂td. - Phân tích chênh lệch so với mục tiêu, tiến độ; nhận diện nguyên nhân do sản lượng huy động, chất lượng nhiên liệu, chế độ vận hành, hiệu suất thiết bị hoặc các yếu tố khách quan khác.
5	Đánh giá thực hiện và theo dõi hạn ngạch	- Đánh giá tình hình triển khai, hiệu quả thực tế và mức đóng góp của từng biện pháp vào mục tiêu giảm nhẹ của Nhà máy. - Đối chiếu tổng phát thải kiểm kê/thực tế với hạn ngạch được phân bổ để hỗ trợ Nhà máy theo dõi tuân thủ và nhận diện nhu cầu điều chỉnh biện pháp trong các năm tiếp theo.

TT	Nhóm công việc	Nội dung thực hiện
6	Đánh giá chất lượng, độ tin cậy và độ không chắc chắn	- Thực hiện kiểm soát chất lượng đối với dữ liệu đầu vào, hệ số, giả định, công thức và bảng tính. - Đánh giá độ tin cậy, độ không chắc chắn và rủi ro dữ liệu; hoàn thiện dấu vết kiểm tra phục vụ hoạt động thẩm định.
7	QC, lập báo cáo và hỗ trợ rà soát	- Thực hiện QC đối với dữ liệu, hệ số, giả định, công thức và bảng tính; hoàn thiện danh mục bằng chứng và dấu vết kiểm tra. - Lập Báo cáo kết quả giảm nhẹ phát thải KNK cấp cơ sở theo Mẫu số 02 Phụ lục III Nghị định số 06/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung) hoặc văn bản pháp luật mới nhất tại thời điểm lập báo cáo; hỗ trợ giải trình, chỉnh sửa theo ý kiến rà soát của UBND cấp tỉnh. - Trình bày, giải trình và chỉnh sửa báo cáo theo ý kiến của Nhà máy, cơ quan tiếp nhận; bàn giao hồ sơ hoàn chỉnh.

4. Chi phí khác

- Chi phí in ấn tài liệu.
- Chi phí lưu trú, đi lại.

5. Yêu cầu đối với nhà thầu tư vấn

- Nhà thầu có đủ tư cách pháp nhân, chức năng hoạt động phù hợp theo quy định pháp luật hiện hành.
- Có kinh nghiệm thực hiện tư vấn kiểm kê khí nhà kính, xây dựng kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính hoặc các công việc tương tự trong lĩnh vực công nghiệp, năng lượng hoặc nhiệt điện.
- Có đội ngũ nhân sự chuyên môn phù hợp, am hiểu các quy định pháp luật về kiểm kê khí nhà kính, giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, hướng dẫn của IPCC và các quy định liên quan.
- Có khả năng thực hiện khảo sát, thu thập, lấy mẫu phân tích, xử lý số liệu và xây dựng báo cáo đáp ứng yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước.
- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ của kết quả tư vấn và hồ sơ do nhà thầu thực hiện theo quy định.

6. Thẩm định báo cáo kiểm kê khí nhà kính cấp cơ sở



TT	Nhóm công việc	Nội dung thực hiện
1	Tổ chức thẩm định độc lập	- Đơn vị thẩm định kết quả kiểm kê khí nhà kính, thẩm định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính là tổ chức được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận theo quy định của pháp luật về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp. - Thực hiện đánh giá độc lập về phạm vi, tài liệu, dữ liệu, phương pháp, hệ số, tính đầy đủ/chính xác và các minh chứng gốc của dữ liệu sơ cấp được sử dụng cho quá trình kiểm kê KNK, làm rõ các sai sót phát hiện trong quá trình đánh giá sơ bộ hoặc vấn đề phát sinh trong đánh giá thực địa sẽ được lưu lại và báo cáo. - Lập Báo cáo thẩm định theo quy định bao gồm: Mục tiêu, phạm vi, tiêu chí kiểm tra xác nhận; Các quy trình và thủ tục kiểm tra xác nhận đã thực hiện; Đánh giá hệ thống dữ liệu, phương pháp và tính chính xác của báo cáo kiểm kê KNK; Các phát hiện, sai sót, hạn chế và khuyến nghị cải thiện; Kết luận kiểm tra xác nhận, bao gồm phân loại ý kiến kiểm tra xác nhận (Ý kiến không cần sửa đổi; Ý kiến cần sửa đổi; Ý kiến trái ngược; Từ chối đưa ra ý kiến).
2	Hoàn thiện sau thẩm định	Bàn giao Báo cáo thẩm định.

7. Thời gian hoàn thành công việc

- Nhà thầu nộp các báo cáo hoàn thiện sau thẩm định trước ngày 15/3/2027.
- Bàn giao đầy đủ hồ sơ, báo cáo, dữ liệu và công cụ tính toán theo quy định.

II. Điều chỉnh giấy phép môi trường

1. Phạm vi xin điều chỉnh/cấp lại giấy phép môi trường

Tư vấn lập hồ sơ xin điều chỉnh/cấp lại Giấy phép môi trường cho Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 theo quy định hiện hành, bao gồm các nội dung sau:

Bổ sung nội dung sử dụng nguyên liệu than cám 5a có hàm lượng chất bốc lớn hơn 10%.

Cập nhật các nội dung thay đổi so với nội dung trong giấy phép môi trường hiện tại gồm:

Cập nhật các hạng mục không đầu tư xây dựng so với quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM: Bãi chứa xỉ 12,8 ha; bến nhập dầu tiếp nhận sà lan 400T.

Cập nhật các yêu cầu trong GPMT đã cấp: Hoàn thiện diện tích bãi chứa xỉ



24,87 ha; chỉ sử dụng dầu DO trong quá trình khởi động lò hơi; hoàn thiện truyền kết nối dữ liệu quan trắc nước thải, khí thải tự động, liên tục về sở NNMT; kiểm soát chất lượng nước thải công nghiệp đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt cột A QCVN 40:2011/BTNMT (hệ số $K_q = 1,1$; $K_f = 1,0$) và QCVN 14:2008/BTNMT (hệ số $K = 1$).

Rà soát cập nhật hiện trạng tại nhà máy so với báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường đã được phê duyệt (nếu có).

Tư vấn, tổng hợp hồ sơ kết quả quan trắc hoặc lấy mẫu, quan trắc bùn thải của hệ thống xử lý nước thải công nghiệp để phân định, phân loại bùn thải theo quy định hiện hành (QCVN 07:2025/BNNMT ...).

Lấy mẫu vận hành thử nghiệm (khí thải, bụi tổng, nước thải) theo quy định và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm gửi Bộ NNMT (nếu có).

Sau khi được Bộ NNMT thẩm định và thông qua, đơn vị tư vấn nộp cho Nhà máy sản phẩm bàn giao bao gồm:

+ Giấy phép môi trường (bản gốc); Báo cáo đề xuất điều chỉnh/cấp lại giấy phép môi trường của Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 (bản hoàn chỉnh đã được Bộ NNMT thẩm định và thông qua) (bản gốc).

+ Các văn bản, tài liệu có liên quan trong quá trình thực hiện hồ sơ Báo cáo đề xuất điều chỉnh/cấp lại giấy phép môi trường cho Nhà máy.

2. Yêu cầu đối với nhà thầu tư vấn

Có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh phù hợp với ngành nghề tư vấn môi trường; có khả năng lập báo cáo đề xuất điều chỉnh/cấp lại giấy phép môi trường theo đúng quy định hiện hành; có giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường để đo đạc, quan trắc mẫu chất thải khi cần thiết.

Nhà thầu phối hợp với Nhà máy chịu trách nhiệm làm việc, giải trình và thực hiện các thủ tục đối với các cơ quan/đơn vị có thẩm quyền thẩm định theo quy định của pháp luật.

3. Chi phí khác

- Chi phí in ấn tài liệu.
- Chi phí lưu trữ, đi lại.

